

Bản án số: 597/2024/HS-PT
Ngày 25/7/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mai;

Các Thẩm phán: Ông Bùi Xuân Trọng;
Bà Hoàng Thị Bích Hải.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Hương Lê - Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 25 tháng 7 năm 2024, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội và điểm cầu thành phần trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh B, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm trực tuyến công khai vụ án hình sự thụ lý số 496/2024/TLPT-HS ngày 26 tháng 4 năm 2024 đối với bị cáo Bùi Văn P và các bị cáo khác phạm tội “Giết người”, do có kháng cáo của các bị cáo và đại diện hợp pháp của người bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 21/2024/HSST ngày 22/3/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh B.

**** Bị cáo bị kháng cáo***

1. Họ và tên: Bùi Văn P, sinh năm 1994. Tên gọi khác: Không. Giới tính: Nam. Nơi cư trú: Thôn P, xã Q, huyện L, tỉnh B. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Trình độ văn hóa: 12/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Con ông Bùi Văn B, sinh năm 1971. Con bà Giáp Thị T, sinh năm 1973. Vợ: Trần Thị X, sinh năm 1993. Bị cáo có 02 con: Lớn sinh năm 2014; nhỏ sinh năm 2017. Gia đình có 02 anh, em. Bị cáo là thứ nhất. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo đầu thú và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/5/2023 đến nay; hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B; có mặt.

2. Họ và tên: Hoàng Văn S, sinh năm 1995. Tên gọi khác: Không. Giới tính: Nam. Nơi cư trú: Thôn M, xã T, huyện L, tỉnh B. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Trình độ văn hóa: 12/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Con ông Hoàng Văn Đ, sinh năm 1970. Con bà Lương Thị Đ1, sinh năm 1969. Vợ, con: Chưa có. Gia đình có 03 anh, chị, em. Bị cáo là thứ ba. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị giữ trong trường hợp khẩn cấp và bị tạm giữ, tạm

giam từ ngày 14/5/2023 đến nay; hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B; có mặt.

3. Họ và tên: Giáp Văn V, sinh năm 1992. Tên gọi khác: Không. Giới tính: Nam. Nơi cư trú: Thôn M, xã T, huyện L, tỉnh B. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Trình độ văn hóa: 10/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Con ông Giáp Văn N, sinh năm 1972. Con bà Vi Thị Đ2, sinh năm 1972 (đã chết). Vợ, con: Chưa có. Gia đình có 02 anh, em. Bị cáo là thứ nhất. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị giữ trong trường hợp khẩn cấp và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/5/2023 đến nay; hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B; có mặt.

**** Bị cáo có kháng cáo***

4. Họ và tên: Ngô Văn T1, sinh năm 1999. Tên gọi khác: C. Giới tính: Nam. Nơi cư trú: Thôn M, xã T, huyện L, tỉnh B. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Trình độ văn hóa: 9/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Con ông Ngô Văn N1, sinh năm 1973. Con bà Nguyễn Thị N2, sinh năm 1979. Vợ, con: Chưa có. Gia đình có 02 chị, em. Bị cáo là thứ hai. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị giữ trong trường hợp khẩn cấp và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/5/2023 đến nay; hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B; có mặt.

5. Họ và tên: Giáp Văn V1, sinh năm 2002. Tên gọi khác: Không. Giới tính: Nam. Nơi cư trú: Thôn M, xã T, huyện L, tỉnh B. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Trình độ văn hóa: 12/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Con ông Giáp Văn Đ3, sinh năm 1978. Con bà Giáp Thị H, sinh năm 1983. Vợ, con: Chưa có. Gia đình có 02 anh, em. Bị cáo là thứ nhất. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị giữ trong trường hợp khẩn cấp và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/5/2023 đến nay; hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B; có mặt.

**** Người bào chữa***

- Người bào chữa cho các bị cáo Bùi Văn P, Hoàng Văn S, Giáp Văn V: Luật sư Đinh Thị Kim T2 - Công ty L1 thuộc Đoàn luật sư thành phố H;

- Người bào chữa cho các bị cáo Ngô Văn T1, Giáp Văn V1: Luật sư Đinh Anh T3 - Công ty L1 thuộc Đoàn luật sư thành phố H;

*** Người bị hại:** Chị Lê Thị H1, sinh năm 1983 (Đã chết); Địa chỉ: Số nhà A, tổ A, phường P, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của người bị hại có kháng cáo: Anh Trần Mạnh H2, sinh năm 1979; vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ A, phường P, quận H, thành phố Hà Nội.

Ngoài ra trong vụ án còn có người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, không bị kháng nghị Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2021, Phạm Thị N3, sinh năm 1983, trú tại: Tổ dân phố C, phường T, thành phố B, tỉnh B mở quán C1 tại tổ dân phố P, thị trấn N, huyện V, tỉnh B. Lợi dụng hoạt động mát-xa thư giãn cho khách, N3 và các đối tượng Trương Thị T4, sinh năm 1985, trú tại xóm N, xã D, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; Lê Thị H1, sinh năm 1983, trú tại tổ A, phường P, quận H, thành phố Hà Nội; Tạ Văn Q, sinh năm 2001 và Đỗ Thanh B1, sinh năm 2000, cùng trú tại thôn K, xã Q, huyện V nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của khách.

Khoảng 02 giờ ngày 04/5/2023, Hoàng Văn S, sinh năm 1995; Giáp Văn V1, sinh năm 2002 và Lương Văn Q1, sinh năm 2001, cùng trú tại thôn M, xã T, huyện L, tỉnh B đến quán của N3 để mát-xa thư giãn. Quá trình mát-xa cho Q1, lợi dụng sở hở Lê Thị H1 đã trộm cắp 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 6Plus của Quyền, sau đó H1 tiếp tục trộm cắp 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Realme của Sâm thì bị S phát hiện, đuổi theo. Sâm đuổi theo H1 ra đến phòng khách thì bị Q ôm, giữ lại, rồi bị B1 dùng tay đâm vào mặt S và bị H1 dùng gậy sắt đập 01 cái vào đỉnh đầu bên trái gây thương tích rách da, chảy máu. Sau khi bị mất điện thoại và bị đánh; S, V1, Q1 rời khỏi quán rồi cùng đi thuê nhà nghỉ ở khu vực tổ dân phố M, thị trấn N, huyện V.

Tại nhà nghỉ, S lấy tờ giấy trắng và viết nội dung “*Chúng mày trả điện thoại cho tao, liên hệ với số điện thoại 0978542650 (số điện thoại của V1), không thì chết hết*”. Sau đó, S, Q1, V1 quay lại quán của N3 thì thấy đóng cửa nên S nhét tờ giấy vào khe cửa quán rồi nhóm S đi về phòng trọ của V1 ở thôn N, xã Q, huyện V. Khi về đến phòng trọ thì gặp Giáp Văn V, sinh năm 1992, trú tại thôn M, xã T, huyện L. Thấy S bị thương chảy máu ở đầu, V hỏi lý do thì S kể lại sự việc cho V biết. Sau đó, S rủ V đi đến khu vực tổ dân phố M, thị trấn N mua 01 con dao loại chọc tiết lợn, dài khoảng 30 cm, phần lưỡi dao dài khoảng 20 cm có 01 lưỡi sắc, đầu nhọn, bản rộng nhất khoảng 10 cm (S khai không nhớ mua ở quán nào) mục đích đi đến quán của N3 để đòi điện thoại. Do quán đóng cửa nên S và V quay lại phòng trọ của V1 ngủ.

Khoảng 15 giờ ngày 04/5/2023, S gọi điện rủ Bùi Văn P, sinh năm 1994, trú tại thôn P, xã Q, huyện L, tỉnh B đến phòng trọ của V1 chơi, S kể lại cho P biết sự việc S, Quyền, V1 đi mát-xa bị trộm điện thoại và S bị đánh. Khoảng 23 giờ cùng ngày, S, Q1, V1, P, V rủ và hẹn nhau đến quán của N3 để đòi lại điện thoại và đánh trả thù. Khi đi, S mang theo con dao chọc tiết lợn mà S đã mua

trước đó; P mang theo 01 con dao Thái dài 32cm, dao 01 lưỡi sắc, phần lưỡi dao bằng kim loại dài 20cm, chuôi dao bằng kim loại dài 12cm (P khai mua tháng 9/2022 khi làm việc tại Thái Lan). Khi nhóm S đến thì quán Ngàn đóng cửa nên cả nhóm quay về phòng trọ của V1.

Sáng ngày 11/5/2023, S gọi điện cho Ngô Văn T1, sinh năm 1999, trú tại thôn M, xã T, huyện L, tỉnh B và kể cho T1 biết việc S, Q1 đi mát-xa, bị lấy trộm điện thoại và bị đánh. Đến tối ngày 11/5/2023, sau khi uống rượu cùng nhau S, T1, V, V1, P tiếp tục rủ nhau đến quán của N3 đòi điện thoại và đánh nhân viên tại quán để trả thù. Sau đó, T1 mượn xe máy nhãn hiệu Honda, loại xe Blade, biển kiểm soát 98E1- 502.39 của anh Ngô Văn N4, sinh năm 1988, trú tại thôn C, xã T, huyện V, tỉnh B và xe máy nhãn hiệu Honda, loại xe Wave, sơn màu trắng, biển kiểm soát 98E1-531.86 của anh Hoàng Anh T5, sinh năm 1998, trú tại thôn G, xã N, huyện Y, tỉnh B để cả nhóm đi.

V1 điều khiển xe máy Honda Wave chở T1 đến khu vực chân cầu vượt M, sau đó T1 bảo V1 đi mua khẩu trang để bịt mặt và bịt biển số xe khi đi đánh nhau. Sau khi mua được 01 túi khẩu trang tại 01 cửa hàng tạp hoá ở khu vực M, thị trấn N, V1 quay lại cùng T1 đứng tại cầu vượt M, V, P. S điều khiển xe máy Honda Blade chở V đến đón P tại nhà trọ của P ở thôn C, xã T, huyện V. Trước khi đi, S mang theo con dao chọc tiết lợn hôm trước mua và 01 gậy sắt dài khoảng 40 cm, đường kính khoảng 3cm để ở ba lô của S. Khi S và V đến phòng trọ của P thì P lấy 01 con dao, loại dao Thái có đặc điểm như đã mô tả ở trên cho vào ba lô của S. Sau đó P, S, V đi đến chân cầu vượt M thì gặp T1 và V1. Tại đây, V mở ba lô của S lấy con dao chọc tiết lợn của S rồi cài vào túi đeo chéo trước ngực mình; T1 lấy gậy sắt, còn con dao của P vẫn để trong ba lô. T1 chia khẩu trang cho cả nhóm để bịt mặt và che biển số 02 xe máy. Sau đó, P điều khiển xe máy Honda Wave chở V đi trước đến quán của N3 để giả vờ mua dâm với mục đích làm cho nhân viên không đóng được cửa quán; còn V1 điều khiển xe Honda Blade chở S và T1 đi theo sau.

Khoảng 23 giờ cùng ngày, nhóm S đến quán của N3 thì thấy trong quán có Phạm Thị N3; Lê Thị H1; Đỗ Thanh B1; Nguyễn Thị L, sinh năm 2001, trú tại thôn M, xã M, huyện V, tỉnh B và Phạm Thị H3, sinh năm 1983, trú tại thôn B, xã B, huyện M, thành phố Hà Nội. Thấy nhóm S đến, H1 chạy ra kéo cửa sắt đóng quán lại nhưng đã bị S đập cửa lao vào và dùng tay nắm 02 nhát vào mặt và dùng chân đạp 01 nhát vào chân H1. P lấy con dao của mình ở trong ba lô của S chạy vào trong kê vào cổ chị L yêu cầu “ngồi im” khi chị L đang đứng ở quầy tiếp khách. T1 cũng lao vào dùng chân, tay đánh H1 và cầm gậy sắt đập vào mặt bàn quầy tiếp khách trong quán đe dọa. V dùng dao chọc tiết lợn giơ lên đe dọa nhân viên ở quán và dùng dao đâm 01 nhát vào lưng H1; V1 cũng lao theo vào trong quán.

Khi thấy H1 bị đâm, chị L lấy tay gạt dao của P ra chạy đến vị trí của H1 thì bị S đâm 01 nhát vào mắt bên trái làm chị L bị choáng, ôm mặt ngồi xuống đất. P lao đến vị trí H1 đang đánh nhau với S và đập H1 ngã ra đất. Khi H1 đang ở tư thế nằm nghiêng bên phải, đầu hơi dựa vào tường, 02 chân co áp sát vào bụng thì P cúi xuống hỏi “*02 chiếc điện thoại mày lấy hôm trước để đâu, mày có nhớ lần trước mày ăn trộm điện thoại của tao không?*”. H1 không nói gì thì P cầm dao ở tay phải đâm 01 nhát vào mắt sau đùi bên trái của H1. Sau đó, nhóm S chạy ra khỏi quán và bỏ trốn về nơi làm việc của T1 tại khu phố T, phường C, thành phố T, tỉnh Bắc Ninh. Trên đường bỏ trốn, V trả lại cho Sâm con dao, sau đó, S đã vứt con dao này đi và T1 cũng vứt chiếc gậy sắt đi. Về đến nơi làm việc của T1 thì P lấy nước rửa máu bám trên con dao sử dụng đâm H1, rồi sau đó cất giấu tại nhà trọ của V1.

Chị H1 sau khi bị đâm đã được chị L, B1 và Q đưa đi cấp cứu nhưng đã chết trước khi đến Trung tâm y tế huyện V.

Kết quả khám nghiệm hiện trường: Nơi xảy ra sự việc tại quán cà phê thư giãn của Nguyễn Thị N5, sinh năm 1983, thuộc tổ dân phố P, thị trấn N, huyện V, tỉnh B. Trên nền vỉa hè phía trước cửa quán phát hiện:

+ Dấu vết máu dạng nhỏ giọt, trên diện (10 x 0,2)m, hướng từ cửa quán cà phê ra lòng đường, ký hiệu số 1.

+ Dấu vết giày dép bám dính máu dạng chui quét, in hằn trên diện (1,8 x 1,1)m gồm nhiều loại giày và dép khác nhau, hướng từ cửa quán cà phê ra lòng đường, ký hiệu số 2.

+ Dấu vết bám dính máu in hình lốp bánh xe mô tô hướng từ vị trí cửa quán ra lòng đường, kích thước (10 x 0,065)m, ký hiệu số 3.

+ Tại khu vực trên đồng lá khô trước cửa nhà ông T6 (phía Tây Nam quán C1) phát hiện 01 chiếc dép nữ, phần đế bám dính máu. Từ vị trí chiếc dép đến vỉa hè phát hiện dấu vết máu dạng nhỏ giọt.

Xem xét quán C1 thấy: Khu vực nền hiên có nhiều nước, máu đông lẫn không đông. Từ vị trí cửa hiên đến cửa quán phát hiện nhiều dấu vết giày dép các loại bám dính máu.

Mở cửa, xem xét khu vực trong quán cà phê thấy: Gian phòng khách có kê 02 bàn gỗ khung sắt, mỗi bàn kê 02 ghế nhựa đơn màu đỏ. Tại vị trí chân bàn phía giáp cửa quán phát hiện 01 đầu lọc thuốc lá nhãn hiệu "Thăng Long"; Phía trong gian phòng khách là khu vực bàn thu ngân và quầy bán hàng. Phía sau kê 01 giường gỗ đôi, tại khu vực phía dưới gầm giường phát hiện thấy nhiều ống tuýp kim loại.

Tại vị trí trên tường vách ngăn phòng nghỉ và phòng khách phát hiện 01 camera wifi màu trắng - đen nhãn hiệu "iMou" trong trạng thái không kết nối với nguồn điện. Kiểm tra bên trong không lắp thẻ nhớ. Bên cạnh gian phòng

ngiht là khu vực bếp: Tại vị trí trên ghế nhựa phát hiện 01 cây máy vi tính màu đen trên phần vỏ có in chữ "Hantkey" trong trạng thái ngắt kết nối với nguồn điện. Cơ quan điều tra đã thu giữ mẫu máu và các đồ vật có liên quan tại hiện trường.

Kết quả khám nghiệm tử thi Lê Thị HI:

- Khám ngoài: Chiều dài tử thi 1,54m; thể trạng phát triển bình thường, đang trong giai đoạn mềm lạnh; Mặc ngoài áo phong cộc tay màu xanh, vùng ngực áo trước có hình logo quốc kỳ H4 chủng quốc Hoa Kỳ, màu đỏ - trắng - xanh và hình ngôi sao; quần dài màu đen; bên trong mặc áo nịt ngực màu đen, quần lót màu hồng.

+ Kiểm tra áo mặt ngoài thấy: Vùng lưng áo trái, cách đường chỉ sườn 11,9cm, cách gấu áo 26cm có vết rách thủng vai, bờ mép sắc gọn, kích thước (2,1 x 0,2)cm; kiểm tra quần mặt ngoài thấy mặt sau ống quần trái, cách cạp quần 27,8cm, cách đường chỉ sườn 5,3cm có vết rách thủng vai, bờ mép gọn, kích thước (5,3 x 0,2)cm. Mặt trước ống quần trái, cách đường chỉ sườn 27,5cm, cách cạp quần 12cm có vết rách thủng vai, bờ mép gọn, kích thước (01 x 0,2)cm.

+ Vùng lưng trái trên đường lách sau, cách đường giữa 12cm có vết thương rách da bờ mép gọn, kích thước (03 x 01)cm, khép miệng vết thương dài 3,2cm;

+ Mặt sau đùi trái có vết thương rách da, bờ mép gọn, kích thước (6,8 x 1,2) cm, khép miệng vết thương dài 6,8cm, sâu thấu trong;

+ Gò má trái có diện tổn thương chột tím da nông, kích thước (4,5 x 04)cm; Môi dưới có diện chột da, kích thước (03 x 1,5)cm;

+ Vùng bụng trái dưới rốn có 02 vết thương rách ra, bờ mép gọn: vết một ở trên cách đường giữa 03cm, kích thước (1,2 x 0,5) cm, vết hai ở dưới cách vết một là 3,8cm, kích thước (02 x 1,2)cm, sâu đến lớp cơ;

+ Vùng bẹn trái có vết thương rách da, bờ mép gọn, cách nếp lằn bẹn 0,5cm, kích thước (03 x 01)cm (vết này thông với vết thương rách da mặt sau đùi trái); Kiểm tra cơ quan sinh dục thấy: Màng trinh rách cũ ở nhiều vị trí, niêm mạc xung quanh không sung huyết, bên trong chứa ít dịch nhầy đục.

- Giải phẫu tử thi:

+ Giải phẫu vùng ngực bụng: Không tụ máu tổ chức dưới da, cơ; khoang ngực hai bên khô. Trong bao tim có ít dịch màu vàng chanh; khoang ổ bụng không có máu. Dạ dày màu trắng đục, bên trong chứa thức ăn đang tiêu hóa, còn phân biệt được cơm, rau. Tử cung màu trắng đục, buồng tử cung rỗng.

+ Giải phẫu vùng bẹn đùi: Kiểm tra theo vết thương trên đường đi mặt sau đùi trái và vùng bẹn thấy tụ máu tổ chức dưới da, có trên đường đi của ống vết

thương, đứt đôi động - tĩnh mạch đùi trái. Cơ quan điều tra đã thu giữ mẫu máu, tóc và trang phục tử thi.

Vật chứng đã thu giữ của vụ án:

- Thu giữ tại hiện trường: 01 đầu lọc thuốc lá nhãn hiệu Thăng Long; 01 đầu camera trong phòng khách; 01 cây máy tính màu đen, có ghi chữ Hantkey; 01 đôi dép nữ.

- Thu giữ khi khám nghiệm tử thi: 01 áo phông cộc tay màu xanh, vùng ngực có hình logo hình Quốc kỳ Hợp chủng quốc Hoa Kỳ, màu đỏ, trắng, xanh và hình ngôi sao.

- Đồ vật thu giữ khi khám xét nơi ở của Giáp Văn V1: 01 con dao kim loại dài 32cm, chuôi bằng kim loại dài 12cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 20cm, loại dao 01 lưỡi sắc, đầu nhọn, vỏ dao bằng gỗ ; 01 quyển vở ô ly có chữ “SẮC MÀU NEW” tại tờ thứ 13 có chữ viết liên quan đến vụ án; 01 áo cộc tay màu đen, áo không có cổ, trên cổ áo có chữ XÍMHILI; 01 quần bò dài; 01 thẻ căn cước công dân số 024093006725 mang tên Bùi Văn P; 01 thẻ căn cước công dân số 023202002744 mang tên Giáp Văn V1; 01 con dao, loại dao gọt hoa quả, một lưỡi sắc, lưỡi bằng kim loại dài 14cm, chuôi dao bằng gỗ dài 12cm; 01 con dao một lưỡi sắc, đầu nhọn, lưỡi dao bằng kim loại dài 14cm, chuôi dao bằng nhựa dài 10cm, màu đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone số IMEI 356167090533339 của Giáp Văn V1; 01 balo màu đen.

- Thu giữ tại nơi làm việc của Ngô Văn T1: 01 con dao, loại dao chọc tiết lợn dài 34cm, chuôi dao bằng gỗ dài 11cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 23cm, bản rộng 7cm, dao có 01 lưỡi sắc.

- Thu giữ của Giáp Văn V: 01 điện thoại di động màu xanh, nhãn hiệu Samsung, số IMEI 1: 358587107549051, số IMEI 2: 358588107549059.

- Thu giữ của Ngô Văn T1: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo, số IMEI 1: 861428052763480, lắp sim số 0379948736.

- Thu giữ của Bùi Văn P: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, màu xanh, số IMEI 1: 356418118449523; IMEI 2: 356419118449521, lắp sim số 0962730593 và sim số 0397879633; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade, biển kiểm soát 98E1- 502.39 và 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, sơn màu trắng, biển kiểm soát 98E1-531.86.

Đối với chiếc xe mô tô Honda Blade, biển kiểm soát 98E1- 502.39 và chiếc xe mô tô Honda Wave, sơn màu trắng, biển kiểm soát 98E1-531.86. Quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của anh Ngô Văn N4, sinh năm 1988, trú tại thôn C, xã T, huyện V, tỉnh B và anh Hoàng Anh T5, sinh năm 1998, trú tại thôn G, xã N, huyện Y, tỉnh B. Khi cho mượn anh N4 và anh T5 không biết gì về hành vi phạm tội của các bị cáo, Cơ quan điều tra đã trả 02 chiếc xe này cho anh N4 và anh T5.

Kết quả giám định:

Tại Bản kết luận giám định số 903/KL-KTHS ngày 22/5/2023 của Phòng K Công an tỉnh B kết luận về mẫu máu tử thi Lê Thị H1 và mẫu máu thu tại hiện trường như sau: “Mẫu máu của Lê Thị H1 gửi giám định thuộc nhóm máu B.

Trên 01 (một) chiếc quần dài màu đen, 01 (một) áo cộc tay màu xanh (quần áo của Lê Thị H1 thu giữ khi khám nghiệm tử thi) và 01 (một) đôi dép màu vàng đều có nhóm máu người, nhóm máu B.

Trên các mẫu đựng trong các phong bì ghi “Dấu vết màu nâu đỏ thu tại vị trí số 1”, “Dấu vết màu nâu đỏ thu tại vị trí số 4” đều có máu người, nhóm máu B”.

Tại Bản kết luận giám định số HT261.23/PY-XNSH ngày 29/5/2023 của V3 kết luận về ADN (Gen) như sau:

+ *Dấu vết trên bề mặt ngoài, mặt trong vỏ dao; chuôi dao và lưỡi dao của 01 (một) con dao bằng kim loại dài 32cm gửi giám định có sinh phẩm của người; có ADN nhiễm sắc thể thường với nồng độ thấp và bị trộn lẫn của nhiều người, không đủ điều kiện để so sánh.*

+ *Dấu vết trên 01 (một) con dao loại chọc tiết lợn; 01 (một) con dao loại gọt hoa quả, lưỡi dao bằng kim loại dài 14cm, chuôi dao bằng gỗ dài 12cm; 01 (một) con dao loại gọt hoa quả, lưỡi dao bằng kim loại dài 14cm, chuôi dao bằng nhựa màu đen dài 10cm gửi giám định có sinh phẩm của người; có ADN nhiễm sắc thể thường với nồng độ rất thấp, không đủ điều kiện so sánh.*

+ *Dấu vết trên bộ quần áo (01 áo cộc tay màu đen và 01 quần bò dài màu xanh) gửi giám định có sinh phẩm của người; có ADN nhiễm sắc thể thường trùng khớp với ADN nhiễm sắc thể thường từ mẫu tóc của Hoàng Văn S.*

+ *Dấu vết trên mẫu móng tay của đối tượng Giáp Văn V1 có sinh phẩm của người, có ADN nhiễm sắc thể thường trùng khớp với ADN nhiễm sắc thể thường từ mẫu tóc của Giáp Văn V1.*

+ *Dấu vết trên mẫu móng tay của đối tượng Hoàng Văn S có sinh phẩm của người, có ADN nhiễm sắc thể thường trùng khớp với ADN nhiễm sắc thể thường từ mẫu tóc của Hoàng Văn S.*

+ *Dấu vết trên mẫu móng tay của đối tượng Bùi Văn P có sinh phẩm của người, có ADN nhiễm sắc thể thường trùng khớp với ADN nhiễm sắc thể thường từ mẫu tóc của Bùi Văn P.*

+ *Dấu vết trên mẫu móng tay của đối tượng Giáp Văn V có sinh phẩm của người, có ADN nhiễm sắc thể thường trùng khớp với ADN nhiễm sắc thể thường từ mẫu tóc của Giáp Văn V.*

+ *Dấu vết trên mẫu móng tay của đối tượng Ngô Văn T1 có sinh phẩm của người, có ADN nhiễm sắc thể thường trùng khớp với ADN nhiễm sắc thể thường từ mẫu tóc của Ngô Văn T1.*

+ Không phát hiện thấy ADN nhiễm sắc thể thường của nạn nhân Lê Thị H1 trên các mẫu giám định”.

Tại Bản kết luận giám định số 1018/KL-KTHS ngày 07/6/2023 của Phòng K Công an tỉnh B kết luận nguyên nhân chết và cơ chế hình thành thương tích trên tử thi Lê Thị H1, tình trạng có thai như sau:

“- Nguyên nhân chết của Lê Thị H1: Sốc mất máu cấp do vết thương xuyên thấu đùi, làm đứt hoàn toàn động - tĩnh mạch đùi trái.

- Cơ chế hình thành dấu vết, thương tích:

+ Tổn thương trợt tím da nông được hình thành do vật tày có các hình dạng và bề mặt khác nhau tạo nên.

+ Các vết thương rách da trên cơ thể nạn nhân Lê Thị H1 hình thành do V2 nhọn có một lưỡi sắc, tác động tạo nên. Trong đó vết thương mặt sau đùi trái thông với vết thương rách da vùng bẹn trái do cùng một loại hung khí, hướng từ sau ra trước, từ dưới lên trên làm đứt động mạch - tĩnh mạch đùi trái gây sốc mất máu cấp là nguyên nhân tử vong.

- Lê Thị H1 không có thai: Trong buồng tử cung rỗng, màu trắng đục”.

Tại Văn bản số 845/KTHS ngày 13/10/2023 của P1 Công an tỉnh B giải thích cơ chế hình thành dấu vết trên cơ thể nạn nhân Lê Thị H1 theo Kết luận giám định tử thi số 1018 ngày 07/6/2023 của Phòng K như sau:

“Việc bị can Bùi Văn P và Hoàng Văn S có hành vi tấn công theo lời khai nhận:

+ Trường hợp Bùi Văn P dùng tay phải cầm 01 con dao dài 32cm, loại dao một lưỡi sắc, đầu nhọn, lưỡi dao bằng kim loại dài 22cm, bản rộng nhất 02cm đâm sọc một nhát vào đùi trái của Lê Thị H1 khi đang ở tư thế nằm nghiêng phải, hai chân gập sát bụng có thể tạo nên vết thương rách da vùng: Đùi và bụng trái của Lê Thị H1.

+ Trường hợp Hoàng Văn S đâm hai cái vào mặt của Lê Thị H1 có thể tạo nên tổn thương trợt tím da nông vùng gò má và môi dưới bên trái của Lê Thị H1.

Ngày 09/10/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B ra Quyết định số 422/QĐ-CSHS trưng cầu Trung tâm pháp y tỉnh B giám định tỷ lệ phần trăm thương tích của Hoàng Văn S do bị đánh ngày 04/5/2023. Ngày 13/10/2023, Trung tâm P Bệnh viện đa khoa tỉnh B có Công văn số 70/BVĐK-TTPY trả lời như sau: Trung tâm Pháp y Bệnh viện đa khoa tỉnh B từ chối giám định thương tích đối với Hoàng Văn S do tài liệu liên quan được cung cấp không đầy đủ, tài liệu liên quan được cung cấp không có giá trị để kết luận giám định.

Tại Bản kết luận giám định số 1928/KL-KTHS ngày 13/10/2023 của Phòng K Công an tỉnh B kết luận về chữ viết, chữ ký trên tờ số 13 trong quyển sổ nhãn hiệu “SẮC MÀU NEW” thu giữ tại nơi ở của Giáp Văn V1 như sau:

“Chữ viết trên tài liệu cần giám định so với chữ viết của Hoàng Văn S trên các tài liệu mẫu (ký hiệu M1, M2) là do cùng một người viết ra.

Quá trình điều tra, các bị cáo đều thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình. Cơ quan điều tra đã cho bị cáo Bùi Văn P thực nghiệm về tư thế, động tác khi thực hiện hành vi phạm tội của bản thân. Kết quả bị can P đã thực hiện tư thế, động tác đâm chĩa H1 phù hợp lời khai của bị can và tài liệu, chứng cứ khác.

Cơ quan điều tra cho các nhận dạng qua ảnh đối với một số con dao thu giữ khi khám xét nơi ở của Giáp Văn V1 và nơi làm việc của Ngô Văn T1. Kết quả các bị cáo đều nhận dạng ra con dao mà bị cáo P sử dụng đâm chĩa H1 và con dao có đặc điểm tương tự với con dao mà bị cáo Văn mang đến hiện trường.

Đối với con dao V sử dụng đâm chĩa H1 ngày 11/5/2023, S khai trên đường bỏ trốn về nơi làm việc của T1 tại thành phố T, tỉnh Bắc Ninh thì S đã vứt con dao đi; T1 khai đã vứt chiếc gậy sắt đi nhưng S và T1 không nhớ vứt ở đoạn nào. Cơ quan điều tra đã ra Quyết định truy tìm nhưng chưa truy tìm được.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 21/2024/HSST ngày 22/3/2024, Tòa án nhân dân tỉnh B đã quyết định:

* Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Bùi Văn P 15 (Mười lăm) năm tù về tội “Giết người”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 14/5/2023.

* Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn S 15 (Mười lăm) năm tù về tội “Giết người”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 14/5/2023.

* Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Giáp Văn V 13 (Mười ba) năm tù về tội “Giết người”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 14/5/2023.

* Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Ngô Văn T1 13 (Mười ba) năm tù về tội “Giết người”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 14/5/2023.

* Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Giáp Văn V1 10 (M) năm tù về tội “Giết người”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 14/5/2023.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 02/4/2024, bị cáo Ngô Văn T1 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 03/4/2024, bị cáo Giáp Văn V1 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 04/4/2024, đại diện hợp pháp của người bị hại anh Trần Mạnh H2 có đơn kháng cáo đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo Bùi Văn P, Hoàng Văn S, Giáp Văn V.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Các bị cáo Ngô Văn T1; Giáp Văn V1 đều giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Luật sư bào chữa cho các bị cáo Bùi Văn P; Hoàng Văn S; Giáp Văn V, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của đại diện hợp pháp của người bị hại là anh Trần Mạnh H2, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho các bị cáo Ngô Văn T1, Giáp Văn V1, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo; sửa bản án sơ thẩm, áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự để xử phạt các bị cáo dưới mức khởi điểm của khung hình phạt.

- Đại diện hợp pháp của người bị hại Lê Thị H1 là anh Trần Mạnh H2 có kháng cáo đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm không có lý do. Do đó, chủ tọa phiên tòa công bố nội dung đơn kháng cáo của anh Trần Mạnh H2 đề nghị Tòa án phúc thẩm tăng hình phạt đối với các bị cáo Bùi Văn P, Hoàng Văn S, Giáp Văn V.

Bị cáo Bùi Văn P, Hoàng Văn S, Giáp Văn V đều không đồng ý với kháng cáo của đại diện hợp pháp của người bị hại là anh Trần Mạnh H2.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Bùi Văn P; Hoàng Văn S; Giáp Văn V; Ngô Văn T1 và Giáp Văn V1 về tội "Giết người" theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự; là đúng người, đúng tội và không oan.

Tòa án sơ thẩm xem xét đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo, nhân thân bị cáo, vai trò của từng bị cáo trong vụ án là

chính xác; việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự có căn cứ; mức xử phạt đối với các bị cáo Bùi Văn P 15 (Mười lăm) năm tù; xử phạt bị cáo Hoàng Văn S 15 (Mười lăm) năm tù; xử phạt bị cáo Giáp Văn V 13 (Mười ba) năm tù ; xử phạt bị cáo Ngô Văn T1 13 (Mười ba) năm tù đều về tội “Giết người”. Đối với bị cáo Giáp Văn V1 được vận dụng thêm khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo V1 10 (M) năm tù về tội “Giết người” - dưới mức khởi điểm của khung hình phạt là có căn cứ, phù hợp quy định.

Vì vậy, kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Ngô Văn T1, Giáp Văn V1 và kháng cáo đề nghị tăng hình phạt đối với các bị cáo Bùi Văn P, Hoàng Văn S, Giáp Văn V của đại diện hợp pháp của người bị hại là anh Trần Mạnh H2 đều không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, giữ nguyên hình phạt đối với các bị cáo tại Bản án hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo Ngô Văn T1, Giáp Văn V1, Bùi Văn P, Hoàng Văn S, Giáp Văn V nói lời cuối cùng trước khi Hội đồng xét xử phúc thẩm vào nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Kháng cáo của các bị cáo Ngô Văn T1, Giáp Văn V1 và kháng cáo của đại diện hợp pháp của người bị hại là anh Trần Mạnh H2 thực hiện trong thời hạn luật định và hợp lệ nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Đại diện hợp pháp của người bị hại Lê Thị H1 là anh Trần Mạnh H2 có kháng cáo đã được Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm không có lý do. Xét anh Trần Mạnh H2 vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[4] Khai nhận của các bị cáo Bùi Văn P, Hoàng Văn S, Giáp Văn V, Ngô Văn T1 và Giáp Văn V1 trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử phù hợp với lời khai của các nhân chứng, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có tại hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để kết luận: Do bản thân trước đó bị nhóm của chị Lê Thị H1 lấy trộm điện thoại di động và đánh thương tích tại quán C1 ở tổ dân phố P, thị trấn N, huyện V, tỉnh B nên Hoàng Văn S đã rủ Giáp Văn V1, Giáp Văn V, Ngô Văn T1 và Bùi Văn P đi đánh nhóm của H1 để trả thù. Thực hiện ý định trên, Ngô Văn T1 đã mượn 02 xe máy để cả nhóm cùng đi và bảo Giáp Văn V1 đi mua khẩu trang để cả nhóm bịt mặt và che biển số xe máy. Sau đó P lái xe máy chở V đi trước đến quán G; V1 lái xe chở S và T1 đi theo sau. Khoảng 23 giờ cùng ngày, nhóm của S đến quán thì chị Lê Thị H1 chạy ra đóng quán lại nhưng đã bị S đập cửa, rồi cả nhóm lao vào trong quán. S dùng tay nắm 02 nhát vào mặt và dùng chân đạp 01 nhát vào chân chị H1; P sử dụng 01 con

dao, loại dao Thái, dài 32cm, dao 01 lưỡi sắc, phần lưỡi dao bằng kim loại dài 22cm, chuôi dao bằng kim loại dài 12cm kề dao vào cổ chị Nguyễn Thị L đe dọa; T1 cũng lao vào dùng chân, tay đánh H1 và cầm đoạn gậy sắt dài khoảng 40cm, đường kính khoảng 3cm đập vào mặt bàn để đe dọa; V sử dụng 01 con dao, loại dao chọc tiết lợn dài khoảng 30cm, dao có 01 lưỡi sắc, mũi dao nhọn dơ lên đe dọa nhân viên quán và đâm 01 nhát vào lưng trái chị H1. Sau đó P lao đến đập 01 nhát vào người làm chị H1 ngã ra đất trong tư thế nằm nghiêng phải, 02 chân co áp sát vào bụng rồi P cầm dao ở tay phải đâm 01 nhát vào mặt sau đùi bên trái của chị H1. Hậu quả, chị H1 bị chết do sốc mất máu cấp do vết thương xuyên thấu đùi, làm đứt hoàn toàn động - tĩnh mạch đùi trái.

Hành vi của các bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sống được pháp luật bảo vệ của người bị hại, đã đủ yếu tố cấu thành tội “Giết người” quy định tại Bộ Luật Hình sự. Tòa án sơ thẩm xét xử các bị cáo theo điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, đúng người, đúng tội, không oan.

[5] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Ngô Văn T1, Giáp Văn V1 và kháng cáo đề nghị tăng hình phạt đối với các bị cáo Bùi Văn P, Hoàng Văn S, Giáp Văn V của đại diện hợp pháp của người bị hại là anh Trần Mạnh H2 thì thấy:

[5.1] Căn cứ diễn biến vụ án, biên bản khám nghiệm hiện trường, thực nghiệm điều tra, kết quả giám định tại Bản kết luận giám định số 1018/KL-KTHS ngày 07/6/2023 của Phòng K Công an tỉnh B kết luận nguyên nhân chết và cơ chế hình thành thương tích trên tử thi Lê Thị H1 là do sốc mất máu cấp do vết thương xuyên thấu đùi, làm đứt hoàn toàn động - tĩnh mạch đùi trái. Các vết thương nêu trên do Bùi Văn P gây ra. Do đó, Tòa án sơ thẩm xác định Bùi Văn P đã có hành vi phạm vào tội “Giết người” với tình tiết định khung là “Có tính chất côn đồ”, các bị cáo Hoàng Văn S; Giáp Văn V; Ngô Văn T1 và Giáp Văn V1 là đồng phạm với Bùi Văn P là có căn cứ.

[5.2] Trong vụ án này có nhiều bị cáo cùng thực hiện hành vi phạm tội nhưng các bị cáo không bàn bạc, thống nhất, không có sự cấu kết chặt chẽ, không phân công phân nhiệm, các bị cáo chỉ tiếp nhận ý chí đi đánh nhau để đòi lại tài sản là điện thoại di động của Hoàng Văn S đã bị Lê Thị H1 lấy trộm và đánh S tại quán C1 ở tổ dân phố P, thị trấn N, huyện V, tỉnh B trước đó. Do vậy, các bị cáo thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn.

[5.3] Các bị cáo bị truy tố xét xử theo điểm n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, có khung hình phạt tù từ 12 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình. Tòa án sơ thẩm đã xem xét đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm về hành vi phạm tội của các bị cáo đã thực hiện, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo, vai trò của từng bị cáo trong vụ án, cụ thể:

[5.3.1] Vai trò đối với từng bị cáo: Bị cáo Bùi Văn P là người dùng dao đâm 01 nhát vào mặt sau đùi bên trái của chị H1. Hậu quả, chị H1 bị chết do sốc mất máu cấp do vết thương xuyên thấu đùi, làm đứt hoàn toàn động - tĩnh mạch đùi trái. Bị cáo Hoàng Văn S là người chủ động rủ bị cáo phương, bị cáo T1 tham gia đòi điện thoại và đánh trả thù, mua dao, trực tiếp dùng tay đâm 02 nhát vào mặt và dùng chân đạp 01 nhát vào chân chị H1 nên bị cáo P và bị cáo S xếp vai trò thứ nhất. Bị cáo Ngô Văn Trung trực t mượn 02 xe máy, bảo V1 mua khẩu trang bịt mặt và biển số xe máy, dùng chân, tay đánh H1 và cầm đoạn gậy sắt dài khoảng 40cm, đường kính khoảng 3cm đập vào mặt bàn để đe dọa; Bị cáo Giáp Văn V cùng S đi mua dao, sử dụng 01 con dao, loại dao chọc tiết lợn dài khoảng 30cm, dao có 01 lưỡi sắc, mũi dao nhọn dơ lên đe dọa nhân viên quán và đâm 01 nhát vào lưng trái chị H1. Do vậy, bị cáo T1 và bị cáo V có vai trò ngang nhau xếp thứ 2. Bị cáo Giáp Văn V1 đi mua khẩu trang để cả nhóm bịt mặt và che biển số xe máy, lái xe chở S và T1 đi theo không trực tiếp gây thương tích cho ai nên giữ vai trò cuối.

[5.3.2] Các bị cáo Bùi Văn P; Hoàng Văn S; Giáp Văn V; Ngô Văn T1 và Giáp Văn V1 đều chưa có tiền án, tiền sự, có nhân thân tốt, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Nguyên nhân dẫn đến sự việc có một phần lỗi của bị hại Lê Thị H1 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trương Thị T4, Phạm Thị N3, Tạ Văn Q và Đỗ Thanh B1.

[5.3.3] Các bị cáo Bùi Văn P, Hoàng Văn S, Giáp Văn V, Ngô Văn T1 và Giáp Văn V1 đều có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; đại diện gia đình người bị hại có đơn xin giảm trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Bị cáo Bùi Văn P có thêm tình tiết giảm nhẹ là đầu thú, bị cáo Ngô Văn T1 có thời gian phục vụ trong quân đội 02 năm. Bị cáo Hoàng Văn S có thời gian phục vụ trong quân đội 01 năm 05 tháng được xuất ngũ, có ông bà nội đều được tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng Nhì, ông nội được UBND huyện L tặng Giấy khen. Bị cáo Giáp Văn V1 có ông nội được tặng Huy hiệu 40 năm tuổi Đảng và Huân chương kháng chiến hạng Nhất; tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện người bị hại là anh Trần Mạnh H2 (Chồng chị Lê Thị H1) xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

[6] Từ đó, Tòa án sơ thẩm vận dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo Bùi Văn P 15 (Mười lăm) năm tù; xử phạt bị cáo Hoàng Văn S 15 (Mười lăm) năm tù; xử phạt bị cáo Giáp Văn V 13 (Mười ba) năm tù; xử phạt bị cáo Ngô Văn T1 13 (Mười ba) năm tù đều về tội “Giết người”; đối với bị cáo Giáp Văn V1 được vận dụng thêm khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo V1 10 (M) năm tù về tội “Giết người” - dưới mức khởi điểm của khung hình phạt là có căn cứ, phù hợp quy định, đảm bảo tính nghiêm minh

của pháp luật, đã có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Do đó, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Ngô Văn T1, Giáp Văn V1 và kháng cáo đề nghị tăng hình phạt đối với các bị cáo Bùi Văn P, Hoàng Văn S, Giáp Văn V của đại diện hợp pháp của người bị hại là anh Trần Mạnh H2.

[7] Luật sư bào chữa cho các bị cáo Bùi Văn P; Hoàng Văn S; Giáp Văn V và Ngô Văn T1 đều đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự để xử phạt các bị cáo dưới mức khởi điểm của khung hình phạt. Tuy nhiên, các bị cáo đều phạm tội thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng và có vai trò tích cực trong vụ án nên không có căn cứ để chấp nhận đề nghị của các Luật sư. Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên hình phạt đối với các bị cáo tại Bản án sơ thẩm.

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[9] Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo Ngô Văn T1 và Giáp Văn V1 phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật; đại diện hợp pháp của người bị hại là anh Trần Mạnh H2 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

I. Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Ngô Văn T1 và Giáp Văn V1; không chấp nhận kháng cáo đề nghị tăng hình phạt đối với các bị cáo Bùi Văn P, Hoàng Văn S, Giáp Văn V của đại diện hợp pháp của người bị hại là anh Trần Mạnh H2; giữ nguyên phần hình phạt của Bản án hình sự sơ thẩm số 21/2024/HSST ngày 22 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh B như sau:

* Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Bùi Văn P 15 (*Mười lăm*) năm tù về tội “Giết người”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 14/5/2023.

* Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn S 15 (*Mười lăm*) năm tù về tội “Giết người”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 14/5/2023.

* Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Giáp Văn V 13 (*Mười ba*) năm tù về tội “Giết người”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 14/5/2023.

* Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Ngô Văn T1 13 (*Mười ba*) năm tù về tội “Giết người”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 14/5/2023.

* Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Giáp Văn V1 10 (*M*) năm tù về tội “Giết người”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 14/5/2023.

II. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

III. Về án phí phúc thẩm:

- Các bị cáo Ngô Văn T1 và Giáp Văn V1 mỗi người phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm;

- Đại diện hợp pháp của người bị hại có kháng cáo là anh Trần Mạnh H2 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh B;
- VKSND tỉnh B;
- Công an tỉnh B;
- Cục THADS tỉnh B;
- Trại tạm giam Công an tỉnh B;
- Bị cáo (qua trại);
- Đại diện hợp pháp của người bị hại (theo địa chỉ);
- Lưu HS, PHCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Mai